TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS-ST
Ngày: 09-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vi Khánh Dần.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mã Thị Oanh và bà Nông Thị Cẩm Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 08/2022/HSST-QĐ ngày 31/10/2022 đối với bị cáo:

Nông Văn L; Tên gọi khác: Nông Văn L1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08/02/1984 tại Xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nông Văn Q (Đã chết) và bà Lý Thị V; vợ Đinh Thị V1 và có 02 con.

Tiền án: 01 tiền án;

Ngày 29/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, Cao Bằng xử phạt 09 (Chín) tháng tù tại Bản án số: 13/2017/HS-ST về tội Trộm cắp tài sản; Tổng hợp tại các Bản án số 38/2017/HS-ST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng và Bản án số 22/2017/HS-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tổng hợp hình phạt chung là 42 (Bốn mươi hai tháng tù).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23/6/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, Cao Bằng xử phạt 18 (Mười tám) tháng tù tại Bản án số: 38/2017/HS-ST về tội Trộm cắp tài sản;

- Ngày 01/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng xử phạt 15 (Mười năm) tháng tù tại Bản án số: 22/2017/HS-ST về tội Trộm cắp tài sản;

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 07/6/2022 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng A

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9, đường Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Lô Bằng G; sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 199 Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

+ *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Lý Tuấn A

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9, đường Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Người được ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền*: Ông Phan Ngô Đức T; sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 9, ngõ 94, đường H, tổ 16, thị trấn Y, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nông Văn T1; sinh năm 1986. Vắng mặt có lý do

+ *Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị D; sinh năm 1958. Vắng mặt có lý do

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lý Thị N; sinh năm 1975 là Trợ giúp viên pháp lý

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt

2. Công ty cổ phần T

Địa chỉ: Số 130, đường T, phường T, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Đoàn Văn Hiếu E;

Địa chỉ: Số 130, đường T, phường T, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Trần Trung T2

Địa chỉ: Xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình

+ *Người được ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền*: Anh Lương Ngọc C; sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Anh Mã Huy H; sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

2. Anh Nông Văn C1; sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

3. Anh Đỗ Quang H2; sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm 10 B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 20/10/2021, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo Nông Văn L đến cửa hàng điện thoại Thanh Lâm của anh Nông Văn C1 (Sinh năm: 1986, trú tại: Xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) ở Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng để vay tiền. Tại đây, anh C1 đã giới thiệu cho bị cáo vay với anh Mã Huy H (Sinh năm: 1996, trú tại: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng). Anh H nói với bị cáo là vay tiền mặt thì không có, nhưng nếu bị cáo đi mua điện thoại trả góp thì anh H sẽ mua lại. Bị cáo mua được điện thoại Iphone 12 Promax thì anh H sẽ trả cho bị cáo 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), nếu mua được điện thoại đời thấp hơn thì sẽ được trả ít tiền hơn. Còn khoản tiền trả trước khi làm hợp đồng mua bán thì anh H sẽ ứng ra trả trước cho bị cáo. Bị cáo đồng ý, rồi đi đến các Cửa hàng Điện máy xanh, Thế giới di động ở thị trấn N để hỏi làm thủ tục mua điện thoại trả góp nhưng đều không được cửa hàng nào chấp nhận do trước đó bị cáo đã có khoản nợ xấu tại các cửa hàng này. Thấy vậy, anh H có nói với bị cáo nhờ người khác đứng tên hợp đồng trả góp. Bị cáo nói cần suy nghĩ thêm và đi về nhà. Trên đường về, bị cáo đã nghĩ đến việc sẽ lợi dụng anh Nông Văn T1 (Sinh năm: 1986; trú tại xóm Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) là cháu họ của bị cáo, bị bệnh thần kinh, hạn chế về nhận thức và dễ sai khiến để đứng tên hợp đồng.

Đến khoảng 13 giờ chiều cùng ngày, bị cáo gọi T1 bảo cầm theo Căn cước công dân hoặc giấy Chứng minh nhân dân để cùng lên thị trấn N, làm lại sim điện thoại cho T1. Bị cáo dẫn T1 cùng vào gặp nhân viên cửa hàng Thế giới di động và nói muốn làm thủ tục mua trả góp điện thoại di động Iphone 12 Promax với giá 31.990.000 đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Nhân viên cửa hàng tư vấn cho bị cáo làm hợp đồng vay mua hàng trả góp với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng A. Bị cáo yêu cầu T1 đưa Căn cước công dân cho mình để đưa lại cho nhân viên để làm hợp đồng, sử dụng các thông tin cá nhân, chụp hình ảnh của T1 để làm hợp đồng mua trả góp điện thoại mang tên

người mua là Nông Văn T1. Trong khi làm thủ tục hợp đồng, bị cáo là người ký tên T1 vào hợp đồng, chỉ riêng biên bản giao nhận hàng thì bị cáo ký tên Nông Văn L vào biên bản. Trong quá trình hoàn thiện thủ tục mua hàng, nhân viên của cửa hàng không biết T1 là người bị bệnh về thần kinh. Sau khi nhân viên làm xong thủ tục hợp đồng thì bị cáo gọi điện cho anh H đến để thanh toán khoản trả trước của hợp đồng cho mình với số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), còn nợ số tiền 19.990.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Trong khi đợi anh H đến thì bị cáo bảo với T1 là muốn đổi sim Vinaphone thì chọn và bị cáo đã mua, đăng ký cho T1 một sim điện thoại mới, còn sim Viettel của T1 thì bảo T1 đưa lại cho mình rồi đem vứt bỏ.

Khi anh H đến thanh toán xong khoản trả trước và nhận điện thoại đã mua từ cửa hàng, cả ba cùng đi lên Cửa hàng điện thoại Thanh Lâm. Tại đây, anh H đã mở điện thoại ra xem và thanh toán trả cho bị cáo số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) (Gồm số tiền đã thỏa thuận trước và số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) bị cáo xin thêm) mua lại chiếc điện thoại trên. Sau đó, bị cáo đưa T1 về nhà. Số tiền có được từ việc bán lại điện thoại, bị cáo không chia cho T1 mà đem chi tiêu cá nhân hết và cũng không thanh toán được lần nào đối với khoản tiền phải trả góp hàng tháng đối với chiếc điện thoại đã mua tại cửa hàng Thế giới di động.

Sau khi mua lại chiếc điện thoại di động từ bị cáo, anh H và anh C1 đã đem bán cho cửa hàng điện thoại Hiền Mobile của anh Đặng Văn H3 (sinh năm 1993, trú tại: Xóm P, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng) ở phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng với số tiền là 27.000.000 đồng (Hai mươi bẩy triệu đồng). Sau đó, chiếc điện thoại đã được bán cho một khách hàng không quen biết nên không thể thu hồi lại được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 08/KL-ĐGTS ngày 09/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Hòa An xác định: "01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max 128GB Gold, cũ đã qua sử dụng, trị giá 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng)".

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSHA ngày 30 tháng 9 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố; bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền của bị hại anh Phan Ngô Đức T trình bày: Ngày 20/10/2021, bị cáo lợi dụng cháu của mình là anh Nông Văn T1 ký kết hợp đồng vay mua hàng trả góp 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max 128GB Gold, trị giá 31.990.000 đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) tại cửa hàng Thế giới di động với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng A; đã thanh toán 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), còn nợ số tiền 19.990.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) với thời hạn vay là 12 (Mười hai) tháng, lãi suất 5,42%/tháng. Sau khi ký kết hợp đồng, bị cáo chưa thanh toán được lần trả góp nào cho công ty. Do việc T1 ký kết hợp đồng là do bị cáo sai bảo, lừa dối và bị cáo đã được hưởng lợi từ hợp đồng này nên tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu bị cáo bồi thường cho công ty số tiền gốc còn nợ là 19.990.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), không yêu cầu bị cáo phải thanh toán số tiền lãi theo hợp đồng. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong lời khai tại Cơ quan điều tra, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Do T1 là người bị thần kinh, khả năng nhận thức và làm chủ hành vi hạn chế nên đã bị bị cáo lợi dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù hợp đồng vay với công ty tài chính FE Credit đứng tên T1 nhưng do bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối để T1 cung cấp thông tin trong hợp đồng; đồng thời, T1 cũng không được hưởng lợi từ hợp đồng này nên không có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đối với công ty tài chính A.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T anh Lương Ngọc C trình bày: Công ty cổ phần Tvà Công ty tài chính A có ký kết hợp đồng dịch vụ hợp tác kinh doanh. Theo đó, nhân viên của Công ty T sẽ hướng dẫn và lập hợp đồng cho các khách hàng có nhu cầu vay mua hàng trả góp; sau đó chuyển toàn bộ hợp đồng cho bên công ty tài chính A xét duyệt. Sau đó bên công ty tài chính A sẽ thanh toán số tiền khách hàng còn nợ sản phẩm cho bên Công ty cổ phần T và hàng tháng theo dõi, đôn đốc quá trình trả nợ với khách hàng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người làm chứng anh Nông Văn C1, anh Mã Huy H, anh Đỗ Quang H1 thừa nhận những nội dung bị cáo đã trình bày là chính xác.

Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn L phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Về trách nhiệm hình sự: Áp

dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 20 (Hai mươi) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nông Văn L phải bồi thường cho bị hại số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng vay trả góp đã ký kết ngày 20/10/2021 là 19.990.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng); Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị N: Trong vụ án này bị cáo Nông Văn L đã lợi dụng sự kém nhận thức của Nông Văn T1 để ký kết hợp đồng vay với Công ty tài chính A. Do đó, bị cáo L đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì bị lừa dối khi ký kết hợp đồng vay và cũng không nhận được bất cứ lợi ích nào từ hợp đồng này nên Nông Văn T1 không phải chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng đã ký kết với Công ty tài chính A. Do vậy, bị cáo L phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng đã ký kết với Công ty tài chính A.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt; Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì thêm. Khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, lời khai của bị cáo, người được ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người đại điện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Do cần tiền chi tiêu phục vụ nhu cầu cá nhân nên ngày 20/10/2021, tại cửa hàng T thị trấn N, bị cáo L đã có hành vi lợi dụng anh Nông Văn T1 là người bị bệnh thần kinh tâm thần, hạn chế về khả năng nhận thức, để sử dụng thông tin cá nhân, hình ảnh của T1 đứng tên làm hợp đồng mua bán trả góp điện thoại di động. Thông qua hợp đồng trả góp, bị cáo đã chiếm đoạt 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max 128GB Gold giá bán 31.990.000 đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) (Trong đó: Đã trả trước 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), còn nợ 19.990.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng A để đem bán lại cho Mã Huy H được số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, bị cáo không thanh toán được khoản trả góp nào cho công ty tài chính A theo hợp đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với giá trị tài sản là 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Do vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Văn L về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định bị cáo Nông Văn L đã phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết pháp luật nhưng do bản thân cần tiền chi tiêu cá nhân đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 (Một) tiền án; bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án xét xử nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo riêng với bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có anh Mã Huy H và Nông Văn C1 là người mua chiếc điện thoại trả góp với bị cáo L. Tuy nhiên, hai người không quen biết T1 và không biết T1 là người bị bệnh thần kinh, tâm thần; đồng thời, việc mua bán với bị cáo là ngay tình theo thỏa thuận của hai bên. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An không xử lý đối với anh H, anh C1 là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải của bản thân. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo nên được chấp nhận.

[5] Về ý kiến quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên cần được xem xét chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người được ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng vay đã ký kết là 19.990.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), không yêu cầu bị cáo trả số tiền lãi. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự và yêu cầu của bị hại là chính đáng, đúng quy định pháp luật nên buộc bị cáo L phải bồi thường cho bị hại số tiền gốc còn nợ là 19.990.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, có thu nhập không ổn định và là người nghiện ma túy nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 23, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người được ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn L phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo:

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nông Văn L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ, ngày 07/6/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nông Văn L phải bồi thường cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng A (Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) số tiền 19.990.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 999.500 đồng (Chín trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người được ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền của bị hại có quyền kháng cáo bản án; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ trong thời hạn 15, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình đại diện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vi Khánh Dần

***Nơi nhận**:*
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ quyền và LIHP;
- Công an huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hoà An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.